

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu.

- Tên dự án: Sửa chữa nhà 05 tầng của Trung tâm Thông tin TTXVN khu vực miền Trung - Tây Nguyên.
- Tên gói thầu: Thi công xây dựng
- Địa điểm xây dựng: Số 28 Lê Thánh Tôn, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
- Chủ đầu tư: Trung tâm Thông tin TTXVN khu vực miền Trung - Tây Nguyên.
- Nguồn vốn thực hiện: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị

2. Thời hạn hoàn thành.

Thời hạn hoàn thành gói thầu tối đa là 150 ngày kể từ ngày khởi công.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình là 150 ngày (Có tính điều kiện thời tiết và bao gồm cả ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết) kể từ ngày khởi công.

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

1. Quy trình, quy phạm chủ yếu áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình:

Nhà thầu bắt buộc phải tuân thủ đúng theo các quy định về quản lý chất lượng theo Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 (Sau đây gọi là Luật Xây dựng); đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 3/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 Luật 62/2020/QH14; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng (Sau đây gọi là NĐ06), Nhà thầu phải nêu cụ thể các tiêu chuẩn quy phạm sẽ áp dụng để thực hiện gói thầu này.

- Yêu cầu quy trình, quy phạm đối với thi công xây dựng công trình thực hiện theo Điều 111 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Điều 11 của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, ngày 26/01/2021;

- Yêu cầu về quy trình, quy phạm đối với nghiệm thu công trình xây dựng thực hiện theo Điều 123 của Luật Xây dựng và Điều 21 của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, ngày 26/01/2021.

- Tất cả hàng hóa, vật tư và thiết bị được sử dụng trong Công trình đều mới, chưa từng qua sử dụng, thuộc thế hệ mới nhất, đã đưa vào tất cả các cải tiến về thiết kế và vật liệu trừ khi được quy định khác đi trong hợp đồng.

2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát:

- Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công xây dựng công trình thực hiện theo Điều 12, Điều 13 của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, ngày 26/01/2021;

- Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật giám sát thi công xây dựng công trình thực hiện theo Điều 19 của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, ngày 26/01/2021.

3. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị (kèm theo các tiêu chuẩn về phương pháp thử);

Yêu cầu sử dụng vật liệu xây dựng tuân thủ theo Điều 110 của Luật Xây dựng. Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng, mã số QCVN 16:2023/BXD được ban hành theo Thông tư số 04/2023/TT-BXD ngày 30/6/2023 của Bộ Xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng và hướng dẫn chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy. Cụ thể:

3.1. Yêu cầu về chủng loại vật tư, thiết bị:

- Tất cả các chủng loại vật tư vật liệu của công trình theo yêu cầu của thiết kế, khuyến khích các nhà thầu sử dụng các loại vật liệu được đánh giá là tốt hơn yêu cầu trên để đưa vào công trình. Các loại vật liệu phải có chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có đủ các chứng chỉ đảm bảo tiêu chuẩn, vật tư vật liệu trước khi đưa vào công trình phải được sự đồng ý của Chủ đầu tư. Nguồn cung cấp vật tư, vật liệu cho công trình nhà thầu có thể khai thác từ nguồn nào nếu nhà thầu thấy nguồn cung cấp có lợi và phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của thiết kế và E-HSMT.

- Vật liệu khác: Phải đảm bảo đúng kích thước, chủng loại theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế và theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam, phù hợp đồng bộ với vật liệu chính do nhà sản xuất cung cấp.

- Nhà thầu phải lập Bảng yêu cầu về vật tư, vật liệu, thiết bị cung cấp cho công trình bao gồm các tiêu chí cốt lõi như: chất lượng đạt chuẩn (TCVN, ISO) và độ bền cao; chủng loại/quy cách đúng thiết kế; nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; giá thành hợp lý; và thân thiện với môi trường/an toàn sức khỏe. Nhà thầu phải đảm bảo nêu đầy đủ các yêu cầu về thông số kỹ thuật, về nguồn gốc xuất xứ chỉ là hướng dẫn, nhà thầu có thể khai thác, cung cấp từ các nguồn gốc khác tương đương (*có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương*). Nhà thầu phải chào đầy đủ danh mục vật tư, vật liệu, thiết bị như trong hồ sơ thiết kế và mô tả công việc tại Bảng kê hạng mục công việc (Mẫu số 01A của E-HSMT).

3.2. Yêu cầu thiết bị thi công:

a) Máy móc sử dụng cho thi công:

- Lập danh mục tất cả máy móc mà nhà thầu dự kiến sử dụng để thi công cho gói thầu với các thông tin cơ bản sau:

- Loại máy móc, thiết bị.
- Nguồn gốc, xuất xứ.
- Mã hiệu.
- Công suất.
- Đặc tính kỹ thuật chính.

- Chất lượng thiết bị hiện tại (tự đánh giá).

Thuyết minh sơ bộ về khả năng đáp ứng mức độ cơ giới hoá, tự động hoá của các thiết bị của nhà thầu đưa vào nhằm nâng cao chất lượng và tiến độ gói thầu.

b) Máy móc thiết bị đo lường, kiểm tra chất lượng:

- Lập danh mục các máy móc, thiết bị mà nhà thầu dự kiến sử dụng để đo lường, kiểm tra chất lượng sản phẩm với các thông tin cơ bản cho từng thiết bị giống như máy móc thi công.

- Nêu rõ tên các phòng thí nghiệm xây dựng LAB được nhà thầu lựa chọn để tiến hành thí nghiệm cần thiết.

4. Yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt;

Trình tự thi công xây dựng và lắp đặt đảm bảo theo đúng trình tự nêu tại Điều 13 của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, ngày 26/01/2021.

5. Yêu cầu về vận hành thử nghiệm, an toàn;

Tất cả các sản phẩm, cấu kiện sau khi hoàn thành thi công đều phải kiểm tra chất lượng, so sánh với các quy định hiện hành và thỏa mãn các yêu cầu của gói thầu.

Để thỏa mãn yêu cầu trên, trong E-HSDT nhà thầu phải làm rõ:

- Quy trình nghiệm thu giai đoạn thi công;
- Quy trình nghiệm thu sản phẩm hoàn thành đưa vào sử dụng.

Tất cả các thí nghiệm thuộc trách nhiệm của nhà thầu phải thực hiện theo đúng quy định của nhà nước và theo chỉ dẫn kỹ thuật thi công. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí thí nghiệm để kiểm tra chất lượng công trình xây dựng theo yêu cầu.

6. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ (nếu có);

Nhà thầu phải tuân thủ quy định của Nhà nước, UBND tỉnh và cơ quan có thẩm quyền đã ban hành về phòng cháy chữa cháy.

7. Yêu cầu về vệ sinh môi trường;

Thực hiện theo Điều 116 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. Nhà thầu phải thực hiện tất cả các biện pháp phòng ngừa hợp lý nhằm làm tránh tác hại đến môi trường sống và môi trường làm việc. Những biện pháp phòng ngừa gồm nhưng không hạn chế ở những biện pháp sau:

- Chuẩn bị phương tiện vệ sinh công cộng nhằm ngăn ngừa sự ô nhiễm về sinh thái hoặc ô nhiễm về công nghiệp tại hiện trường.

- Nghiêm cấm việc làm ảnh hưởng đến cây cối hoặc phá hoại cây cối, hệ thực vật xung quanh công trường.

- Thực hiện đổ đất đúng nơi quy định, hạn chế mức thấp nhất việc tập kết vật liệu tại công trường gây cản trở hoạt động của chính nhà thầu khác trên công trường.

- Có biện pháp giảm thiểu khí thải hay khói của các thiết bị và các hoạt động khác trên công trường.

- Hạn chế đến mức thấp nhất việc gây chấn động, tiếng ồn ảnh hưởng đến môi trường làm việc xung quanh.

Nếu các biện pháp của nhà thầu chưa thích hợp hoặc chưa đạt hiệu quả như yêu cầu, bên mời thầu sẽ đưa ra các biện pháp và yêu cầu nhà thầu thực hiện các biện pháp phòng ngừa đó bằng kinh phí của nhà thầu

Kết thúc công trình: Trước khi kết thúc công trình Nhà thầu phải có trách nhiệm thu dọn mặt bằng công trường gọn gàng, sạch sẽ, chuyển hết các vật liệu thừa, dỡ bỏ các công trình tạm, sửa chữa những chỗ hư hỏng của sân đường, cống rãnh, hệ thống công trình kỹ thuật hạ tầng, các hạng mục xung quanh ... do quá trình thi công gây ra theo đúng thoả thuận ban đầu hoặc theo quy định của Nhà nước.

8. Yêu cầu về an toàn lao động;

Theo quy định tại Điều 115 của Luật Xây dựng. Thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia an toàn trong xây dựng: QCVN 18: 2014/BXD do Bộ Xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số: 14/2014/TT-BXD ngày 05/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; theo Thông tư số 04/2017/TT-BXD ngày 30/3/2017; Thông tư số 03/2019/TT-BXD ngày 30/7/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2017/TT-BXD ngày 30/3/2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình.

9. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công;

- Có số lượng nhân lực phù hợp với tiến độ thi công và mặt bằng thi công công trình.

- Có danh mục đầy đủ các loại máy móc thiết bị, ghi rõ tên máy, thời gian sản xuất, công suất, hình thức sở hữu.

- Lựa chọn máy móc thiết bị có công suất và đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của công trình.

Bố trí thiết bị thi công để đáp ứng yêu cầu thi công nhanh, đảm bảo chất lượng và hiệu quả kinh tế. Nhà thầu phải bố trí đủ số lượng, chủng loại các thiết bị thi công, đang sử dụng tốt, phù hợp tính chất gói thầu.

10. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục;

Nhà thầu cần tính toán lập kế hoạch tổ chức thi công cho từng lĩnh vực chủ yếu:

- Có bản vẽ tổng mặt bằng tổ chức thi công chung cũng như cho từng giai đoạn thi công hợp lý và phù hợp với đặc điểm và vị trí xây dựng công trình, trong đó thể hiện kích thước chi tiết các hạng mục, vị trí ... liên quan, trong đó thể hiện rõ: khu bố trí vật liệu, kho bãi, khu gia công vật liệu, khu lán trại, khối văn phòng làm việc, điều hành.

Tổ chức thi công phải thực sự khoa học, hợp lý, phù hợp với nội dung công việc và yêu cầu kỹ thuật của gói thầu đảm bảo hiệu quả, chất lượng và tiến độ. Tổng mặt bằng thi công cần đảm bảo yêu cầu về tiện dụng trong quá trình thi công và phù hợp từng giai đoạn thi công của công trình.

11. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu;

Nhà thầu phải lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp yêu cầu, quy mô, tính chất công trình xây dựng. Yêu cầu nhà thầu lập các biện pháp sau:

- Biện pháp kiểm tra vật tư, vật liệu: nhà thầu nêu các biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu đưa vào công trường.

- Biện pháp kiểm tra chất lượng thi công các công tác: nhà thầu nêu các biện pháp quản lý chất lượng thi công các công tác đảm bảo chất lượng thi công bộ phận công trình (Có đầy đủ các biểu mẫu đảm bảo kiểm soát được chất lượng thi công tại mỗi công việc của quá trình thi công).

- Biện pháp kiểm tra chất lượng thi công giai đoạn xây lắp: nhà thầu nêu các biện pháp quản lý chất lượng thi công các công tác đảm bảo chất lượng thi công giai đoạn xây lắp.

- Có tổ chức công trường hợp lý và bản mô tả chức năng nhiệm vụ của các cán bộ chủ chốt tham gia thi công trên công trường (Chỉ huy trưởng công trình, Kỹ sư phụ trách kỹ thuật các chuyên ngành trên công trường, cán bộ an toàn lao động trên công trường)

- Có biện pháp quản lý tài liệu phục vụ cho quá trình thi công (Bản vẽ, tài liệu xử lý bổ sung thiết kế tại hiện trường, các qui định về tổ chức nghiệm thu)

- Lập và ghi nhật ký thi công xây dựng công trình theo quy định.

- Kiểm tra an toàn lao động, vệ sinh môi trường bên trong và bên ngoài công trường.

- Nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, lập và lưu giữ bản vẽ hoàn công cho bộ phận công trình xây dựng, hạng mục công trình xây dựng và công trình xây dựng theo quy định tại Điều 26 của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

- Báo cáo chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường theo yêu cầu của chủ đầu tư.

- Chuẩn bị tài liệu làm căn cứ nghiệm thu theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, ngày 26/01/2021 của Chính phủ về việc Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng,

- Yêu cầu của công tác kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu là chấp hành đúng yêu cầu của thiết kế và các cam kết khác trong hợp đồng giao nhận thầu. Thực hiện đúng trình tự nghiệm thu tại quy định này và các quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng theo pháp luật hiện hành.

12. Yêu cầu về tiến độ:

Để xem xét tính hợp lý và khả thi về thời gian thực hiện gói thầu, các nhà thầu cần tính toán lập kế hoạch chi tiết cho một số lĩnh vực chủ yếu cụ thể là:

- Lập biểu đồ ngang (tiến độ thời gian), tổng tiến độ thực hiện gói thầu;

- Lập biểu đồ nhân lực;

- Thuyết minh tổng tiến độ (nói rõ căn cứ lập tổng tiến độ, các mốc thời gian

chính, đánh giá chung về tính khả thi, điều kiện thi công đúng tiến độ, dự báo khả năng rủi ro ảnh hưởng đến tiến độ);

- Tiến độ hoàn thành hồ sơ, thủ tục thanh toán giai đoạn (Quy trình, giải pháp và thời hạn dự kiến cho việc hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của thủ tục thanh quyết toán sau khi có biên bản nghiệm thu);

- Tiến độ hoàn thành hồ sơ quyết toán công trình hoàn thành (Quy trình quyết toán, giải pháp thực hiện đúng quy trình. Thời hạn dự kiến cho việc hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán sau khi nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng).

13. Yêu cầu về bảo hành:

Căn cứ Khoản 5, Điều 28 [Nghị định 06/2021/NĐ-CP](#) ngày 21/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, quy định cụ thể về yêu cầu về bảo hành công trình xây dựng;

Theo các quy định nêu trên, thời gian bảo hành công trình là không ít hơn 12 tháng.

IV. Các bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây:

STT	Ký hiệu	Tên bản vẽ	Phiên bản/ngày phát hành
1		Danh mục bản vẽ	
2		Thuyết minh chung	
3	HT 01/28 - HT 27/28	Phần hiện trạng	2025
4	PD 01/08 - PD 08/08	Phần phá dỡ	2025
5	KT 01/64 - KT 64/64	Phần sửa chữa	2025

(Xem hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đính kèm E-HSMT)